



ẤN ĐỘ: TỪ “BÁN LẺ TRI THỨC” TIẾN LÊN ĐẠI HỌC ĐẲNG CẤP QUỐC TẾ? *

• PHẠM THỊ LY

Tổng thuật và bình luận

Những lực cản từ bên trong: vấn đề văn hóa thuộc địa

Nhưng khó khăn của Ấn Độ không chỉ nằm trong vấn đề nguồn lực hạn chế. Rào cản lớn nhất ở Ấn Độ là di sản của thời kì thuộc địa: trường đại học là nơi “bán lẻ tri thức” thay vì đáng lẽ phải là nơi kiến tạo tri thức mới. Nền tảng của hệ thống giáo dục Ấn ngày nay được bắt đầu dưới chế độ thuộc địa của Anh khoảng giữa thế kỉ XIX, dựa trên quan niệm coi việc phát triển giáo dục ở các thuộc địa là nhằm phục vụ cho kinh tế, chính trị, và lợi ích của chính quốc, nhất là để củng cố và duy trì sự thống trị của Anh ở những thuộc địa này. Hệ thống này nghiêng về đào tạo ngôn ngữ và các bộ môn khoa học nhân văn hơn là khoa học kĩ thuật, và điều này vẫn còn kéo dài đến tận ngày nay: phân tích số liệu nhập học năm 2001 ở Ấn cho thấy gần 70% sinh viên nhập học trong các ngành nghệ thuật, thương mại, giáo dục, luật... và chỉ khoảng 20% học các ngành khoa học tự nhiên. Trong kỉ nguyên thuộc địa, việc nghiên cứu trong các trường đại học không được xem trọng. Những nhà khoa học, những học giả Ấn lỗi lạc nhất đã ra nước ngoài ngay sau khi độc lập, phần lớn là đến Anh quốc để tiếp tục công việc ở những trường đại học nghiên cứu có chất lượng cao.

Sau khi đất nước giành được độc lập, các trường đại học Ấn cũng vẫn khư khư duy trì tinh chất “bán lẻ tri thức” của mình. Bất chấp sự tăng trưởng về số lượng các trường và về ngân sách dành cho nghiên cứu và phát triển (tăng gấp 16 lần trong thời gian từ năm 1980 đến năm 2000),

số lượng các công trình nghiên cứu vẫn không có bước tiến nào đáng kể. Theo báo cáo của Ngân hàng Thế giới năm 2000, số lượng bài báo khoa học trong cả khoa học tự nhiên và xã hội của Ấn chỉ tăng từ 13.623 năm 1981 đến 14.883 năm 1995, tức là chỉ tăng 9,25% trong vòng 15 năm, trong lúc cùng thời gian ấy, Trung Quốc tăng từ 1.293 lên đến 11.435, tức 784,34%!

Thành công lớn nhất của hệ thống giáo dục đại học Ấn Độ cho đến nay là của các Viện Khoa học-công nghệ. Ngay sau khi độc lập, Ấn Độ đã đặt khoa học-kĩ thuật lên hàng ưu tiên trong lịch trình phát triển kinh tế của mình. Viện Kĩ thuật-công nghệ Ấn Độ (IIT) đầu tiên được thành lập năm 1951 ở Kharagpur (West Bengal) với sự hỗ trợ của UNESCO, dựa trên mô hình của MIT. Viện Kĩ thuật-công nghệ Ấn Độ thứ hai được thành lập ở Bombay (nay là Mumbai) năm 1958 với sự trợ giúp của Liên Xô thông qua UNESCO. Năm 1959, IIT Madras (nay là Chennai) được thành lập với sự trợ giúp của Đức, và IIT Kanpur với sự giúp đỡ của Tập đoàn các trường đại học Hoa Kỳ. Các doanh nghiệp Anh và chính phủ UK hỗ trợ việc thành lập IIT Delhi năm 1961. Năm 1994, IIT Guwahati được thành lập hoàn toàn thông qua những nỗ lực bản địa. Năm 2001, University of Roorkee được đưa vào hệ thống các trường IIT, trở thành trường thứ bảy.

Quốc hội Ấn Độ chỉ định những trường ấy như những đơn vị tối quan trọng của đất nước. Các trường công được tận hưởng tối đa tự do học thuật và tự chủ trong quản lí, đưa ra những ngành đào tạo chất lượng cao và có ý nghĩa rất quan trọng trong công nghệ, kĩ thuật, các khoa học ứng dụng, và khoa học quản lí ở cấp đại học,

* Tiếp theo số 47.

cao học, và tiến sĩ, đồng thời cấp bằng của chính họ. Việc tuyển sinh được thực hiện nghiêm ngặt dựa trên phẩm chất và thành tích thông qua một kì thi tuyển sinh hết sức cạnh tranh. Ngày nay, các trường này thu hút những sinh viên giỏi nhất có quan tâm đến công nghệ và khoa học ứng dụng. Nhiều cựu sinh viên các trường IIT nắm giữ những vị trí cao nhất trong giáo dục, nghiên cứu, kinh doanh và đổi mới ở nhiều nơi trên thế giới. Năm 2005, THES (Phụ trương Đại học của Tạp chí Thời đại) xếp hạng IITs là trường kĩ thuật tốt vào hàng thứ ba trên toàn thế giới, chỉ sau MIT và University of California, Berkeley. Lúc đầu IITs bị phê phán là góp phần vào nạn chảy máu chất xám khi khoảng 40% sinh viên tốt nghiệp của họ ra nước ngoài làm việc. Ngày nay, với sự tăng trưởng nhanh và mở rộng của kinh tế Ấn Độ, "điểm yếu" này trở thành thế mạnh to lớn cho hợp tác và đầu tư quốc tế.

Tuy nhiên ngay cả những trường này cũng vẫn chỉ là những cửa hàng bán lẻ tri thức, chứ chưa bao giờ được coi là các trường đại học nghiên cứu. Phần vì đó là do di sản kế thừa của nền giáo dục thuộc địa như đã nói trên, phần vì Ấn Độ vẫn là một nước nghèo (thu nhập bình quân đầu người chỉ 700 USD/năm so với Hoa Kỳ 28.000 USD/năm), khao khát nhanh chóng thoát nghèo khiến họ tập trung vào những lĩnh vực nghề nghiệp có thể nhanh chóng nắm được kĩ năng làm việc và đi làm kiếm tiền ngay. Văn hóa thuộc địa tạo ra tinh thần nô lệ và chấp nhận hiện trạng, phù hợp với ý muốn của chế độ thực dân là đào tạo ra những cái máy có thể làm việc được ngay trong các lĩnh vực sản xuất và dịch vụ. Ấn Độ không còn là thuộc địa nhưng di sản ấy thì vẫn còn đến tận ngày nay.

Những khó khăn từ hệ thống quản trị đại học: chính sách gia đình trị và hệ thống toàn trị

Về mặt quản trị, những áp lực xã hội và

chính trị cũng không khuyến khích sự nổi bật cá nhân. Sự phân biệt đẳng cấp xã hội đã ngăn cản những sinh viên thuộc tầng lớp thấp theo đuổi việc học tập và nghiên cứu ở đỉnh cao, thông qua những can thiệp của nhà nước trong chính sách tuyển sinh và tuyển chọn giảng viên. Chính sách gia đình trị và truyền thống toàn trị ở Ấn đã dẫn tới kiểu quản lí chuyên quyền, độc đoán, đòi hỏi mọi thứ phải tuân theo quy tắc ưu tiên. Bởi vậy sinh viên Ấn có kĩ năng rất đáng khen trong việc áp dụng các quy tắc nhưng gần như không khi nào đặt dấu hỏi với bản thân các quy tắc.

Trong quản trị đại học ở Ấn, vai trò của các hiệu trưởng không được xem trọng. Văn hóa quản lí ở Ấn khiến các công chức có thể thay đổi vị trí của nhau một cách dễ dàng và không ai được phép "cao" hơn người khác. Văn hóa "bonsai" này quả là không lành mạnh vì xưa nay trong lịch sử, những trường đại học lớn luôn luôn được dẫn dắt bởi những hiệu trưởng vĩ đại. Lãnh đạo các trường đại học Ấn không ủng hộ tự do và những phẩm chất chuyên môn, vì chính họ cũng không có được những thứ ấy. Thậm chí, các giảng viên cũng chẳng cần quan tâm đến việc trường mình có người lãnh đạo hay không. Một số trường thuộc University of Dehli không có hiệu trưởng trong một thời gian rất dài, có lúc trong suốt bốn năm. Năm 2005, IIT Dehli không có người lãnh đạo trong 9 tháng liền. Nhà nước quyết định không gia hạn nhiệm kì của hiệu trưởng cũ từ nhiều tháng trước khi nhiệm kì này kết thúc, nhưng cũng không làm gì để có người thay thế ngay. Trong lúc đó, ở phương Tây, một vị trí lãnh đạo như thế có thể được quyết định trước khi thực hiện cả năm trời, như trường hợp I.G Patel được bổ nhiệm hiệu trưởng Trường Kinh tế London hai năm trước khi chính thức nhậm chức.

Sự can thiệp của các cơ quan hành pháp trong quản trị đại học ở Ấn là một hiện tượng tồn tại từ lâu và chưa từng thấy trên thế giới. Nếu



như ở Hoa Kỳ, Tòa án tối cao chỉ can dự vào những vấn đề hết sức lớn lao, thì ở Ấn, Tòa án tối cao sẵn sàng xem xét từ việc viết cái gì lên bưu thiếp trở đi, và quá trình xem xét này có khi kéo dài hai ba chục năm, đẩy các nhà quản lí vào một tình trạng bế tắc. Mãi đến gần đây, Tòa án tối cao vẫn quyết định những vấn đề như học phí, số lượng tuyển sinh, cơ cấu tuyển sinh (bao nhiêu em, từ những đẳng cấp nào sẽ được nhận vào học), v.v... Những phán quyết này có hiệu lực toàn quốc, nhưng điều kiện ở các địa phương khác nhau rất nhiều khiến tòa án luôn phải xem xét và điều chỉnh lại. Tòa án tối cao ở Ấn có khi còn phải giải quyết những trường hợp lệch lạc ở cả trường công lẫn trường tư. Chẳng hạn, chỉ vài tuần trước cuộc bầu cử chính quyền bang Chastigarh, 157 trường đại học tư được cấp phép thành lập. Các nhà đầu tư học hành nửa mùa tự bổ nhiệm mình làm hiệu trưởng, giao cho vợ họ làm trưởng phòng đào tạo, thành viên gia đình họ làm Hội đồng quản trị. Chuyện này biến thành "xi-căng-đan" đến nỗi Tòa án phải ra lệnh giải thể tất cả các trường này, nhưng lúc đó đã có hơn mười ngàn sinh viên nhập học. Mãi đến nay những trường hợp này vẫn chưa tìm được cách giải quyết thỏa đáng.

Ở Ấn, công đoàn giáo viên có ảnh hưởng mạnh đối với chính sách nhập học hay chủ trương hiện đại hóa chương trình giảng dạy. Lãnh đạo công đoàn giáo viên là những nhân vật có ảnh hưởng chính trị trong trường, họ thường không ủng hộ việc đổi mới chương trình vì chỉ muốn lập lại cái cũ cho nhàn thân. Tổ chức lãnh đạo cao nhất của một trường đại học, Hội đồng Điều hành, thường dành hết thời gian để thảo luận những thứ vớ vẩn thay vì phải thảo luận về chính sách đào tạo. Hệ thống ấy loại ra ngoài cuộc chơi những giảng viên tài năng và bị dẫn dắt bởi những giảng viên - nhà chính trị khiến hệ thống đại học Ấn tê liệt. Những trường hợp giảng viên sắp xếp lịch giảng dạy của mình chỉ hai hay

ba ngày trong tuần để họ có thể vắng mặt những ngày còn lại không phải chuyện hiếm. Không có gì đáng ngạc nhiên khi chương trình đào tạo ở nhiều trường đại học Ấn không hề thay đổi trong nhiều thập kỉ qua.

Chính phủ trung ương ở Ấn có sự tôn trọng nhất định với quyền tự chủ của các trường nhưng chính quyền các bang thì can thiệp vào công việc nội bộ của các trường nhiều hơn. Tuy vậy chính quyền trung ương cũng xen vào việc lựa chọn lãnh đạo các trường, thường là với một kết quả không lấy gì làm hay cho lắm. Trường đại học bị coi như một cơ quan nhà nước và mức độ tự chủ của nó tùy theo quan điểm và phương hướng của chính quyền các bang, cho dù nó không nhận tài trợ của ngân sách nhà nước, nhưng nếu có cấp bằng nó sẽ phải chịu sự quản lí của chính quyền bang. Chính vì vậy mà Trường Kinh doanh Ấn Độ không nhận tài trợ ngân sách cũng không cấp bằng nốt! Các Viện Khoa học- công nghệ cũng thế, nhiều thập kỉ qua họ không hề cấp bằng cử nhân, và Viện Khoa học quản lí thậm chí cho đến nay cũng vẫn không cấp bằng cho người học. Nhiều công ty đa quốc gia ở Ấn có tài trợ cho các chương trình đào tạo sau đại học cho các trường, tuy nhiên số tiền này trước hết phải được nộp cho nhà nước rồi sau đó nhà nước sẽ quyết định nhà trường được làm gì với chúng.

Bài học Ấn Độ

Nếu như con đường xây dựng các ĐHĐCQT ở Trung Quốc đã cho chúng ta thấy rõ nguồn lực không đủ để tạo nên chất lượng và uy tín, và kinh nghiệm Malaysia cho thấy một thể chế hạn chế quyền tự chủ của nhà trường sẽ trở thành lực cản đối với mọi nỗ lực đổi mới như thế nào, thì trường hợp Ấn Độ có thể minh họa rất rõ điều này: một khi trường đại học đã được lập trình để hoạt động như một cửa hàng "bán lẻ tri thức" thay vì phải thực hiện sứ mạng của nó là kiến tạo tri thức và

là động lực của mọi đổi mới và tiến bộ, thì nó không có khả năng trở thành một trường ĐHCQT. Giáo dục đại học Ấn Độ rất thành công trong việc tạo ra một lực lượng lao động có kĩ năng, và điều này là tuyệt đối cần thiết trong kinh tế công nghiệp, kể cả kinh tế tri thức, nhưng như vậy chưa đủ để được công nhận uy tín “đẳng cấp quốc tế”. Có một sự đồng thuận rất cao trong giới học thuật về việc ĐHCQT gần như chắc chắn phải là một đại học nghiên cứu. Chính vì thế mà trong tiêu chí xếp hạng của SJTU, kết quả nghiên cứu và số lượng công bố khoa học chiếm một tỉ trọng áp đảo. Bảng xếp hạng THES chú trọng hơn điểm đăng duyệt, nhưng thực chất điểm số này cao hay thấp cũng là do uy tín của nhà trường quyết định, mà uy tín ấy được hình thành chủ yếu là từ các kết quả nghiên cứu và được biết đến là do các công bố khoa học. Điều này không phải là không có lí. Nó dựa trên một quan niệm phổ biến về vai trò và sứ mạng cốt lõi của trường đại học: giữ gìn, truyền bá và sáng tạo tri thức.

Khó khăn của các trường đại học Ấn Độ trên đường tiến lên đẳng cấp quốc tế đến từ nhiều nhân tố khác nhau, từ nguồn lực đến văn hóa và thể chế, nhưng có thể nói chùng nào triết lí “bán lẻ tri thức” chưa thay đổi thì những nhân tố ấy chưa thể cải thiện và Ấn Độ chưa thể có được những trường đại học nghiên cứu thực sự.

Kết luận

Con đường tiến đến vị trí đẳng cấp thế giới của các trường đại học trong những nước đang phát triển có muôn vàn thử thách, con đường của Ấn Độ còn khó khăn hơn bội phần, vì nhiều lí do: 1/ Văn hóa thuộc địa ăn sâu trong lối suy nghĩ của người Ấn và gắn chặt vào hệ thống giáo dục đại học của Ấn Độ, một nền văn hóa thiên về chấp nhận hiện trạng và một nền giáo dục đào tạo ra những người phục vụ tức thời cho sự phát triển nền kinh tế thay vì đào tạo ra những

người sáng tạo và làm chủ xã hội; 2/ Một hệ thống quản trị mang tính chất toàn trị với sự can thiệp quá sâu của nhà nước vào công việc nội bộ của các trường; 3/ Một nguồn lực quá yếu so với Trung Quốc hay Hoa Kỳ.

Nếu như vai trò của một trường đại học thực sự theo khuôn mẫu lâu đời ở phương Tây là giữ gìn, truyền bá và sáng tạo tri thức, thì Ấn Độ cho đến nay chỉ làm được việc giữ gìn và truyền bá tri thức. Từ “bán lẻ tri thức” tiến đến ĐHCQT là một chặng đường rất xa, và so với các nước đang phát triển khác, Ấn Độ còn thiếu cả cái quyết tâm mạnh mẽ, dù rằng quyết tâm của chính phủ là điều rất quan trọng nhưng vẫn chưa đủ để tạo ra chuyển biến có ý nghĩa cho các trường đại học Ấn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Altbach G. Philip (2005), "Higher Education in India", Hindu April 12.
2. Altbach G. Philip (2007), "World-Class Country without World-Class Higher Education: India's 21st Century Dilemma".
3. Basu, A. 2002, "Indian Higher Education: Colonialism and Beyond" In *From dependence to autonomy; The development of Asian Universities*, Ed. P.G. Altbach, Boston College.
4. N. Jayaram (2008). "Beyond Retailing Knowledge: Prospect of Research Oriented Universities in India".
5. http://indiaedunews.net/Universities/PM_promises_30_world-class_universities_for_India_1426/
6. <http://chronicle.com/news/article/4563/india-seeks-help-from-britain-in-opening-world-class-university>
7. CHARU SUDAN KASTURI, "India at foreign door for varsity - Appeal for help after half a century". The Telegraph 28-5-2008.

SUMMARY

Though being the third largest country in terms of higher education enrollment India has very few institutions, department, courses, centers considered as of quality. Indian universities operate in the fashion of 'knowledge retailing'. In the list of 100 or 500 best universities in the world India is getting a very modest place. Based on the development lessons from Indian higher education the author draw some interesting conclusions on the way towards world class of universities from developing countries.